

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/DS-PT
Ngày: 15-3-2021
V/v: “Tranh chấp Hợp đồng Dân sự
Vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Mạnh Hùng
Bà Lê Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tâm – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Võ Thị Kim Anh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 168/2020/TLPT- DS ngày 09 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp: “Hợp đồng Dân sự Vay tài sản”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 33/2020/DS-ST ngày 18/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 357/2020/QĐ - PT ngày 23/11/2020; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 387/2020/QĐ-PT ngày 21/12/2020, Thông báo về việc mở lại phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án Dân sự số 32/TB-TA ngày 05/02/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lương Thị L, sinh năm: 1966; cư trú tại tổ 7, thôn 5, xã T, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Anh T, sinh năm: 1977; cư trú tại lô 19, khu quy hoạch quanh T, Phường 4, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 6756, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng P chứng thực ngày 05/12/2020), có mặt.

Bị đơn: Bà Lê Thị Th, sinh năm: 1982; cư trú tại tổ 1, thôn 6, xã T, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Chị Tôn Nữ Quỳnh Tr, sinh năm: 1991; cư trú tại số 131/1, đường L, Phường 6, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 480, quyền số 01SCT/CK, ĐC do Văn phòng công chứng P chứng thực ngày 23/12/2020), có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đinh Văn T, sinh năm: 1978; cư trú tại tổ 1, thôn 6, xã T, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Bà Lê Thị Th - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2020, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của Bà Lương Thị L thì: Bà và vợ chồng Ông Đinh Văn T, Bà Lê Thị Th là bạn cùng xã, trong thời gian từ năm 2017 đến năm 2018 bà cho bà Th vay nhiều lần, khi vay không thế chấp; đến ngày 02/8/2018 bà Th xác nhận còn nợ của bà 5.005.000.000đ, hứa trả hàng tháng nhưng không trả nợ như cam kết dù bà đã đòi nhiều lần. Nay bà có đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T, bà Th phải trả số tiền 5.005.000.000đ còn thiếu đồng thời phải trả tiền lãi từ ngày 02 tháng 8 năm 2018 đến ngày 18 tháng 9 năm 2020 với lãi suất 1%/tháng, tính tròn là 25 tháng.

- Theo lời trình bày của Bà Lê Thị Th thì: Vợ chồng bà và bà L là bạn cùng xã, trong thời gian từ năm 2017 đến năm 2018 bà vay tiền bà L nhiều lần. Đến ngày 02/8/2018 bà L chốt nợ và hai bên lập giấy vay tiền, bà đã ký xác nhận còn nợ bà L 5.005.000.000đ, nhưng sau khi chốt nợ bà đã trả cho bà L được tiền lãi và nợ gốc nhưng không nhớ là bao nhiêu.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không được do bà Th vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L chỉ yêu cầu bà Th trả nợ, không yêu cầu ông T và rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền là 300.000.000đ, chỉ yêu cầu bà Th trả nợ gốc là 4.705.000.000đ và nợ lãi từ ngày 02 tháng 8 năm 2018 đến ngày 18 tháng 9 năm 2020 với lãi suất 1%/tháng, tính tròn là 25 tháng.

Tại Bản án số 33/2020/DS-ST ngày 18/9/2020; Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Bà Lương Thị L về việc “Tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản” đối với ông Đinh Văn T.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Lương Thị L về việc “Tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản” đối với Bà Lê Thị Th với số tiền 300.000.000đ.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Lương Thị L về việc “Tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản” đối với Bà Lê Thị Th.

Buộc Bà Lê Thị Th có trách nhiệm trả cho Bà Lương Thị L số tiền 5.881.250.000đ (trong đó nợ gốc là 4.705.000.000đ, nợ lãi là 1.176.250.000đ).

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 29/9/2020 Bà Lê Thị Th kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét trừ hai khoản 400.000.000đ và 315.000.000đ mà bà Th đã trả cho bà L trước đó đồng thời xem xét các khoản khác như tiền lãi nặng 3.000đ và 4.000đ/1.000.000đ/ngày và bà L tính tiền lãi vào tiền gốc rồi yêu cầu bà viết giấy nhận nợ gốc.

Tại phiên tòa,

Ông Nguyễn Anh T, người đại diện theo ủy quyền của bà L, chỉ yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc là 4.555.000.000đ và chịu lãi theo mức lãi suất là 0,83%/tháng. Chị Tôn Nữ Quỳnh Tr, người đại diện theo ủy quyền của bà Th, thống nhất với yêu cầu của ông T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa, sửa Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xuất phát từ việc giữa bà L và bà Th nhiều lần xác lập giao dịch dân sự vay tài sản; sau đó hai bên tiến hành chốt nợ với nhau, căn cứ vào giấy chốt nợ bà L đã yêu cầu bà Th phải trả số tiền đã vay; bà Th yêu cầu tính lại các khoản lãi cũng như số tiền gốc đã trả nên các bên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp Hợp đồng dân sự Vay tài sản” là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bà Th thì thấy rằng:

[2.1] Theo giấy vay tiền ngày 02/8/2018 thể hiện nội dung: “... tôi là Lê Thị Thoa hiện cư trú tại xã T, Đ, vay chị Lương Thị L, tổng cộng 5.005.000.000đ (năm tỷ không trăm lẻ năm triệu) ...”. Nội dung giấy vay tiền này phù hợp với lời khai của bà Th về việc từ năm 2017 đến năm 2018 bà có vay của bà L nhiều lần tiền đến ngày 02/8/2018, bà Th ký xác nhận vào giấy vay tiền còn nợ bà L số tiền 5.005.000.000đ.

[2.2] Bà Th cho rằng kể từ sau khi xác nhận vay tiền ngày 02/8/2018 thì bà đã trả cho bà L một số tiền nợ gốc và nợ lãi nhưng bà Th lại không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình, trong khi đó bà L không thừa nhận nên không có căn cứ xem xét.

[2.3] Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc là 4.555.000.000đ và chịu lãi theo quy định của pháp luật tương ứng với mức lãi suất là 0,83%/tháng; người đại diện hợp pháp của bị đơn đồng ý. Do ông T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên không công nhận sự thỏa thuận của đương sự được mà cần sửa án sơ thẩm để ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự là phù hợp.

[2.4] Mức lãi mà bà Th phải chịu được tính như sau: $4.555.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 25 tháng = 945.162.500đ$.

Tổng cộng gốc và lãi mà bà Th phải trả cho bà L là 5.500.162.500đ.

[3] Với những nhận định trên, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa Bản án sơ thẩm.

[4] Các phần khác của quyết định của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí:

Bà Th phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho bà L là 113.500.200đ (làm tròn) ($112.000.000đ + 0,1\% \times 1.500.162.500đ$).

Do sửa án nên bà Th không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của Bà Lê Thị Th, sửa Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Lương Thị L đối với Bà Lê Thị Th về việc “Tranh chấp Hợp đồng Dân sự Vay tài sản”. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự; cụ thể:

Buộc Bà Lê Thị Th phải có trách nhiệm trả cho Bà Lương Thị L số tiền là 5.500.162.500đ (năm tỷ ba năm trăm triệu một trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng), {trong đó nợ gốc là 4.555.000.000đ (bốn tỷ năm trăm năm mươi lăm triệu đồng) nợ lãi là 945.162.500đ (chín trăm bốn mươi lăm triệu một trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng)}.

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Bà Lương Thị L không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm; bà L được nhận lại số tiền 56.500.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0017469 ngày 25/5/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bà Lê Thị Th phải chịu 113.500.200đ án phí Dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0003310 ngày 05/11/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Bà Th còn phải nộp 113.200.200đ án phí Dân sự sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Bà Lê Thị Th không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

3. Các phần khác của quyết định của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KT-NV & THA;
- TAND tp. Đ, tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS tp. Đ, tỉnh Lâm Đồng;
- Đường sự (03);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Châu Thạch